**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11 NĂM HỌC: 2023- 2024**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI**

**BÀI 1: SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**CỦA CÁC NHÓM NƯỚC**

**Câu 1.** Nhóm nước phát triển có

**A.** thu nhập bình quân đầu người cao. **B.** tỉ trọng của địch vụ trong GDP thấp.

**C.** chỉ số phát triển con người còn thấp. **D.** tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

**Câu 2:** Nhóm nước đang phát triển có

**A.** thu nhập bình quân đầu người cao. **B.** tỉ trọng của dịch vụ trong GDP cao.

**C.** chỉ số phát triển con người còn thấp. **D.** tỉ trọng của nông nghiệp rất nhỏ bé.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước phát triển?

**A.** GDP bình quân đầu người cao. **B.** Đầu tư nước ngoài (FDI)nhiều.

**C.** Chỉ số phát triển con người cao. **D.** Còn có nợ nước ngoài nhiều.

**Câu 4:** Các nước đang phát triển có đặc điểm là

**A.** GDP bình quân đầu người cao. **B.** đầu tư nước ngoài (FDI)nhiều.

**C.** chỉ số phát triển con người cao. **D.** còn có nợ nước ngoài nhiều.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các nước đang phát triển?

**A.** GDP bình quân đầu người thấp. **B.** Chỉ số phát triển con người thấp.

**C.** Đầu tư nước ngoài (FDI)nhỏ. **D.** Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.

**Câu 6:** Các nước phát triển có đặc điểm là

**A.** GDP bình quân đầu người thấp. **B.** Chỉ số phát triển con người thấp.

**C.** Đầu tư nước ngoài (FDI)nhỏ. **D.** Các khoản nợ nước ngoài rất nhỏ.

**Câu 7:** Quốc gia nào sau đây được xếp vào nhóm nước công nghiệp có nền kinh tế mới nổi (BRICs)?

**A.** Hàn Quốc. **B.** Xin-ga-po. **C.** Việt Nam. **D.** Bra-xin.

**Câu 8:** Các nước đang phát triển phân biệt với các nước phát triển bởi một trong những tiêu chí là

**A.** GDP bình quân đầu người thấp hơn nhiều.

**B.** đầu tư trực tiếp ra nước ngoài ở mức cao.

**C.** chỉ số chất lượng cuộc sống (HDI)cao.

**D.** dịch vụ có tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển?

**A.** Nông - lâm - ngư có xu hướng giảm. **B.** Công nghiệp và xây dựng tăng nhanh.

**C.** Tỉ trọng dịch vụ có nhiều biến động. **D.** Nông - lâm - ngư có xu hướng tăng.

**Câu 10:** Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển hiện nay tập trung đẩy mạnh

**A.** công nghiệp hóa. **B.** đô thị hóa. **C.** xuất khẩu. **D.** dịch vụ.

**BÀI 2: TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ VÀ AN NINH TOÀN CẦU**

**Câu 1:** Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới **không** phải về

**A.** kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** khoa học. **D.** chính trị.

**Câu 2:** Biểu hiện nào sau đây **không** phải của toàn cầu hóa?

**A.** Thương mại Thế giới phát triển mạnh. **B.** Đầu tư nước ngoài tăng nhanh chóng.

**C.** Thị trường tài chính quốc tế mở rộng. **D.** Các quốc gia gần nhau lập một khu vực.

**Câu 3:** Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

**A.** sản xuất, thương mại, tài chính. **B.** thương mại, tài chính, giáo dục.

**C.** tài chính, giáo dục và chính trị. **D.** giáo dục, chính trị và sản xuất.

**Câu 4:** Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

**A.** trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.

**B.** tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.

**C.** đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

**D.** đầu tư nước ngoài ngày càng mở rộng giữa các nước.

**Câu 5:** Biểu hiện nào sau đây không thuộc toàn cầu hóa kinh tế?

**A.** Thị trường tài chính quốc tế mở rộng. **B.** Thương mại quốc tế phát triển mạnh.

**C.** Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh. **D.** Các tổ chức liên kết kinh tế ra đời.

**Câu 6:** Các nước nhận đầu tư có cơ hội để

**A.** tận dụng các lợi thế tài nguyên. **B.** sử dụng đất đai, lao động giá rẻ.

**C.** thu hút vốn, tiếp thu công nghệ. **D.** sử dụng ưu thế thị trường tại chỗ.

**Câu 7:** Các nước đầu tư có cơ hội để

**A.** thu hút vốn, tiếp thu các công nghệ mới. **B.** thu hút các bí quyết quản lý kinh doanh.

**C.** giải quyết việc làm và đào tạo lao động. **D.** tận dụng lợi thế về lao động, thị trường.

**Câu 8:** Các hoạt động nào sau đây hiện nay thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài?

**A.** Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. **B.** Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.

**C.** Văn hóa, giáo dục, công nghiệp. **D.** Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

**Câu 9:** Biểu hiện của thị trường tài chính quốc tế mở rộng là

**A.** mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.

**B.** đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

**C.** vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng lớn.

**D.** các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

**Câu 10:** Biểu hiện của Thương mại Thế giới phát triển mạnh là

**A.** mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.

**B.** đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

**C.** vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng rất lớn.

**D.** các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rất rộng.

**Câu 11:** Biểu hiện của việc tăng cường đầu tư nước ngoài là

**A.** mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.

**B.** dòng tiền đầu tư ra nước ngoài tăng ngày càng nhanh.

**C.** vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng lớn.

**D.** các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

**Câu 12:** Đặc trưng của các công ti xuyên quốc gia là

**A.** thúc đẩy thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế.

**B.** phát triển nguồn nhân lực trên khắp toàn cầu.

**C.** quốc tế hóa, mở rộng hoạt động cấp toàn cầu.

**D.** thúc đẩy chuyển giao công nghệ toàn thế giới.

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò của các công ti xuyên quốc gia?

**A.** Hoạt động ở nhiều quốc gia khác nhau.

**B.** Sở hữu nguồn của cải vật chất rất lớn.

**C.** Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng.

**D.** Phụ thuộc nhiều vào chính phủ các nước.

**Câu 14:** Sự phát triển của Thương mại Thế giới là động lực chính của

**A.** thay đổi cơ cấu ngành sản xuất. **B.** tăng trưởng kinh tế các quốc gia.

**C.** phân bố sản xuất trong một nước. **D.** tăng năng suất lao động cá nhân.

**Câu 15:** Tác động tích cực của của toàn cầu hóa kinh tế **không** phải là

**A.** làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trên thế giới.

**B.** đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.

**C.** thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

**D.** tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.

**Câu 16:** Hệ quả tiêu cực của toàn cầu hóa là

**A.** tăng cường sự hợp tác quốc tế nhiều mặt.

**B.** đẩy nhanh đầu tư, làm sản xuất phát triển.

**C.** gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo.

**D.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

**Câu 17:** Thách thức to lớn của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển là

**A.** tự do hóa thương mại được mở rộng. **B.** gây áp lực nặng nề đối với tự nhiên.

**C.** hàng hóa có cơ hội lưu thông rộng rãi. **D.** các quốc gia đón đầu công nghệ mới.

**Câu 18:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các thách thức do toàn cầu hóa gây ra cho các nước đang phát triển?

**A.** Phải làm chủ được các ngành kinh tế mũi nhọn.

**B.** Môi trường bị suy thoái trong phạm vi toàn cầu.

**C.** Áp dụng ngay thành tựu khoa học vào phát triển.

**D.** Các giá trị đạo đức lâu đời có nguy cơ xói mòn.

**Câu 19:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tác động của toàn cầu hóa đến các nước đang phát triển?

**A.** Tạo điều kiện chuyển giao các thành tựu mới về khoa học công nghệ.

**B.** Tạo cơ hội để các nước thực hiện việc đa phương hóa quan hệ quốc tế.

**C.** Tạo cơ hội để các nước nhận công nghệ mới từ các nước phát triển cao.

**D.** Tạo điều kiện để xuất khẩu các giá trị văn hóa sang các nước phát triển.

**Câu 20:** Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

**A.** nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội. **B.** sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

**C.** tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. **D.** lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

**Câu 21:** Tác động của đại dịch COVID-19 đến kinh tế toàn cầu là

**A.** làm thiệt hại sinh mạng rất nhiều người.

**B.** làm đình trệ tăng trưởng sản xuất thế giới.

**C.** gây ra nạn thất nghiệp trên toàn thế giới.

**D.** giảm thu nhập của những người lao động.

**Câu 22:** Tác động của đại dịch COVID-19 đến đời sống xã hội thế giới là

**A.** làm suy giảm GDP của hầu hết các nước.

**B.** làm đình trệ tăng trưởng sản xuất thế giới.

**C.** làm tăng tỉ lệ thất nghiệp khắp toàn cầu.

**D.** làm ngành du lịch bị suy giảm trầm trọng.

**BÀI 5: NỀN KINH TẾ TRI THỨC**

**Câu 1:** Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại xuất hiện với đặc trưng là

**A.** sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng các vật liệu mới.

**B.** có quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nhanh chóng.

**C.** sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng công nghệ cao.

**D.** khoa học công nghệ thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**Câu 2:** Nghiên cứu sử dụng kĩ thuật số hóa thuộc lĩnh vực công nghệ

**A.** sinh học. **B.** vật liệu. **C.** năng lượng. **D.** thông tin.

**Câu 3:** Khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, vì đã

**A.** thực sự trực tiếp làm ra sản phẩm. **B.** tham gia vào quá trình sản xuất.

**C.** sinh ra nhiều ngành công nghiệp. **D.** tạo ra các dịch vụ nhiều tri thức.

**Câu 4:** Cách mạng khoa học và công nghệ thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng

**A.** giảm nhanh nông, lâm, ngư; tăng rất nhanh công nghiệp, dịch vụ.

**B.** giảm nông, lâm, ngư; giảm nhẹ công nghiệp; tăng nhanh dịch vụ.

**C.** tăng rất nhanh dịch vụ và công nghiệp; giảm nhẹ nông, lâm, ngư.

**D.** tăng nhanh dịch vụ và công nghiệp; giảm rất nhanh nông, lâm, ngư.

**Câu 5:** Nền kinh tế tri thức được dựa trên

**A.** vốn và công nghệ cao. **B.** công nghệ cao và lao động.

**C.** công nghệ và kĩ thuật cao. **D.** tri thức và công nghệ cao.

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với kết quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại?

**A.** Làm xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới.

**B.** Làm xuất hiện rất nhiều ngành dịch vụ mới.

**C.** Tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ.

**D.** Làm tăng thất nghiệp và thiếu việc làm.

**Câu 7:** Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế dựa trên

**A.** tri thức, kĩ thuật, công nghệ cao. **B.** tri thức, kĩ thuật, tài nguyên giàu.

**C.** tri thức, công nghệ cao, lao động. **D.** tri thức, lao động, vốn dồi dào.

**B. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA**

**BÀI 7: KHU VỰC MỸ LATINH**

**Câu 1:** Khu vực Mỹ Latinh có phía bắc giáp với

**A.** Hoa Kỳ. **B.** Ca-na-đa.

**C.** quần đảo Ăng-ti lớn. **D.** quần đảo Ăng-ti nhỏ.

**Câu 2:** Khu vực Mỹ Latinh có phía đông giáp với

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương. **D.** Nam Đại Dương.

**Câu 3:** Khu vực Mỹ Latinh có phía tây giáp với

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương. **D.** Nam Đại Dương.

**Câu 4:** Khu vực Mỹ Latinh có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế do vị trí nằm gần kề với

**A.** EU. **B.** Nhật Bản. **C.** Trung Quốc. **D.** Hoa Kỳ.

**Câu 5:** Phần lớn lãnh thổ khu vực Mỹ Latinh nằm ở trong vùng

**A.** nhiệt đới và xích đạo. **B.** ôn đới và cận nhiệt đới.

**C.** cận nhiệt đới và nhiệt đới. **D.** cận xích đạo và xích đạo.

**Câu 6:** Dầu mỏ tập trung chủ yếu ở nơi nào sau đây của khu vực Mỹ Latinh?

**A.** Các đồng bằng ven vịnh Mê-hi-cô. **B.** Các đảo trên quần đảo Ảng-ti Lớn.

**C.** Các đảo trên quần đảo Ăng-ti Nhỏ. **D.** Khu vực ở phía tây dãy núi An-đét.

**Câu 7:** Các quần đảo trong vịnh Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành nào sau đây?

**A.** Khai khoáng. **B.** Thủy điện. **C.** Du lịch. **D.** Chăn nuôi.

**Câu 8:** Thảm thực vật tiêu biểu ở khu vực Mỹ Latinh là

**A.** rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm. **B.** rừng thưa, cây bụi lá cứng và xavan.

**C.** rừng lá kim, rừng thưa, thảo nguyên. **D.** rừng lá rộng ôn đới, cây bụi, xavan.

**Câu 9:** Số dân đô thị ở khu vực Mỹ Latinh tăng nhanh chủ yếu do

**A.** di cư từ nông thôn đến và gia tăng tự nhiên.

**B.** lao động kĩ thuật gia tăng và tỉ suất sinh cao.

**C.** nhập cư từ châu lục khác đến nhiều, di cư ít.

**D.** lao động ở khu vực dịch vụ tăng và nhập cư.

**Câu 10:** Do đô thị hóa tự phát nên dân đô thị ở khu vực Mỹ Latinh

**A.** ổn định việc làm, không gian cư trú rộng, thu nhập rất thấp.

**B.** thất nghiệp đông, thu nhập thấp, môi trường sống không tốt.

**C.** chủ yếu là làm thuê, mức sống thấp, điều kiện sống khá tốt.

**D.** thiếu việc làm, dân trí thấp, thu nhập khá tốt và rất ổn định.

**Câu 11:** Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ Latinh là

**A.** nông nghiệp. **B.** công nghiệp. **C.** dịch vụ. **D.** xây dựng.

**Câu 12:** Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ Latinh là

**A.** khai khoáng, chế tạo máy và du lịch. **B.** trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.

**C.** đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. **D.** khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

**BÀI 10: LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)**

**Câu 1:** Vào năm 2020, nước nào sau đây chính thức rời khỏi EU?

**A.** Pháp. **B.** Đức. **C.** Anh. **D.** Thụy Điển.

**Câu 2:** Nước nằm giữa châu Âu hiện nay (2020)chưa gia nhập EU là

**A.** Thụy Sĩ. **B.** Ai-len. **C.** NaUy. **D.** Bỉ.

**Câu 3:** Mục đích của EU là

**A.** cùng nhau thúc đẩy phát triển sự thống nhất châu Âu.

**B.** ngăn chặn nguy cơ xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo.

**C.** cùng nhau hạn chế các dòng nhập cư trái phép xảy ra.

**D.** bảo vệ an ninh, phòng chống nguy cơ biến đổi khí hậu.

**Câu 4:** Mục tiêu của EU là

**A.** tạo ra môi trường cho sự tự do lưu thông con người, dịch vụ, hàng hóa, tiền tệ.

**B.** xây dựng, phát triển một khu vực có sự hòa hợp về kinh tế, chính trị và xã hội.

**C.** cùng liên kết về kinh tế, luật pháp, an ninh và đối ngoại, môi trường, giáo dục.

**D.** góp phần vào việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới, chống biến đổi khí hậu.

**Câu 5:** Lĩnh vực nào sau đây không đặt ra làm mục đích của EU?

**A.** Kinh tế. **B.** Luật pháp. **C.** Nội vụ. **D.** Chính trị.

**Câu 6:** Cơ quan có quyền quyết định cao nhất ở EU là

**A.** Hội đồng bộ trường châu Âu. **B.** Ủy ban châu Âu.

**C.** Nghị viện châu Âu. **D.** Hội đồng châu Âu.

**Câu 7:** Cơ quan đặt ra các định hướng chung ở EU là

**A.** Hội đồng bộ trưởng châu Âu. **B.** Ủy ban châu Âu.

**C.** Nghị viện châu Âu. **D.** Hội đồng châu Âu.

**Câu 8:** Cơ quan đưa ra các định hướng trong từng lĩnh vực cụ thể ở EU là

**A.** Hội đồng bộ trưởng châu Âu. **B.** Ủy ban châu Âu.

**C.** Nghị viện châu Âu. **D.** Hội đồng châu Âu.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thị trường chung châu Âu?

**A.** Quyền tự do đi lại, cư trú, chọn nghề của mọi công dân được đảm bảo.

**B.** Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán ngày càng được tăng cường.

**C.** Các nước có chính sách thương mại chung buôn bán với ngoài khối.

**D.** Sản phẩm mỗi nước được tự do buôn bán trong toàn thị trường chung.

**Câu 10:** Tự do di chuyển bao gồm tự do

**A.** cư trú và dịch vụ kiểm toán. **B.** đi lại, cư trú, dịch vụ vận tải.

**C.** cư trú, lựa chọn nơi làm việc. **D.** đi lại, dịch vụ thông tin liên lạc.

**Câu 11:** Tự do lưu thông hàng hóa là

**A.** tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

**B.** tự do đối với các dịch vụ vận tải, du lịch.

**C.** Bãi bỏ các hạn chế đối với giao dịch thanh toán.

**D.** Hàng hóa các nước không thuế giá trị gia tăng.

**Câu 12:** Tự do lưu thông tiền vốn trong EU **không** phải là việc

**A.** bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.

**B.** các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư lợi nhất.

**C.** nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.

**D.** bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

**Câu 13:** Ý nghĩa của thị trường chung EU **không** phải là

**A.** kích thích cạnh tranh và thương mại. **B.** nâng cao chất lượng và hạ giá thành.

**C.** góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. **D.** tạo mức sống của người dân đồng đều.

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đồng tiền chung (đồng ơ-rô)của EU?

**A.** Có vị trí cao trong giao dịch quốc tế. **B.** Đồng tiền dự trữ chính thức quốc tế.

**C.** Tác động đến tiền tệ các nước khác. **D.** Tất cả thành viên EU đã dùng chung.

**Câu 44:** EU đứng đầu thế giới về tỉ trọng trong

**A.** viện trợ phát triển thế giới. **B.** sản xuât ô tô thế giới,

**C.** xuất khẩu của thế giới. **D.** tiêu thụ năng lượng thế giới.

**Câu 15:** Liên minh châu Âu (EU)

**A.** xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn nhất thế giới.

**B.** nhập khẩu chủ yếu máy bay, điện tử, dược phẩm, nông sản.

**C.** xuất khẩu chủ yếu mặt hàng dầu, khí đốt tự nhiên, uranium.

**D.** hầu hết buôn bán với các nước Đông Nam Á và ở châu Phi.

**Câu 16:** Đối với thị trường nội địa, các nước thuộc EU đã

**A.** kí kết các hiệp định thương mại tự do. **B.** tăng thuế quan và kiểm soát biên giới.

**C.** áp dụng cùng một mức thuế hàng hóa. **D.** dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại.

**Câu 17:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thương mại của EU?

**A.** Kinh tế các nước phụ thuộc nhiều vào xuất, nhập khẩu.

**B.** EU là bạn hàng lớn nhất của các nước đang phát triển.

**C.** Không cổ động cho hoạt động tự do buôn bán thế giới.

**D.** Các nước đã bỏ hàng rào thuế quan buôn bán với nhau.

**Câu 18:** Vùng châu Âu là

**A.** một thể chế chính trị có cơ quan chính quyền.

**B.** một cơ cấu hợp tác xuyên biên giới quốc gia.

**C.** sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ các nước.

**D.** nơi có sự thống nhất về chính trị và pháp luật.

**Câu 19:** EU **không** phải

**A.** là một trung tâm kinh tế hàng đầu của thế giới.

**B.** có sự phát triển kinh tế chênh lệch giữa các nước.

**C.** là bạn hàng lớn nhất của các nước đang phát triển.

**D.** có tất cả các nước ở lãnh thổ châu Âu đều tham gia.

**A.** kí kết các hiệp định thương mại tự do. **B.** tăng thuế quan và kiểm soát biên giới.

**C.** áp dụng cùng một mức thuế hàng hóa. **D.** dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với EU?

**A.** Là liên kết khu vực có nhiều quốc gia nhất thế giới.

**B.** Là một trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

**C.** Là lãnh thổ có sự phát triển đồng đều giữa các vùng.

**D.** Là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới.

**KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**BÀI 11: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI**

**KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**Câu 1:** Khu vực Đông Nam Á không nằm ở vị trí cầu nối giữa

**A.** lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a. **B.** Ô-xtrây-li-a với các nước Đông Á.

**C.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. **D.** Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 2:** Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm hai bộ phận.

**A.** lục địa và biển đảo. **B.** đảo và quần đảo.

**C.** lục địa và biển. **D.** biển và các đảo.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Đông Nam Á?

**A.** Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn.

**B.** Là nơi các cường quốc muốn gây ảnh hưởng.

**C.** Vị trí cầu nối lục địa Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.

**D.** Nằm ở trên vành đai lửa Thái Bình Dương.

**Câu 4:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

**A.** nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C.** đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 5:** Tự nhiên Đông Nam Á biển đảo không có

**A.** nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C.** đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 6:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo là có

**A.** địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

**C.** các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

**D.** nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên Đông Nam Á lục địa?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

**C.** Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.

**D.** Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á biển đảo?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

**B.** Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

**C.** Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.

**D.** Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

**Câu 9:** Điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Á **không** phải chủ yếu là

**A.** khí hậu nóng ẩm. **B.** đất trồng đa dạng,

**C.** sông ngòi dày đặc. **D.** địa hình nhiều núi.

**Câu 10:** Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á có nguy cơ bị thu hẹp là

**A.** khai thác không hợp lí và cháy rừng.

**B.** cháy rừng và phát triển nhiều thủy điện.

**C.** mở rộng đất trồng đồi núi và cháy rừng.

**D.** kết quả của việc trồng rừng còn hạn chế.

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đông Nam Á?

**A.** Các nước trong khu vực (trừ Lào)đều giáp biển.

**B.** Nằm trong vành đai sinh khoáng lớn của Trái Đất.

**C.** Có diện tích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm lớn.

**D.** ít chịu các thiên tai như động đất, sóng thần.

**Câu 12:** Đông Nam Á có diện tích rừng xích đạo lớn, do

**A.** nằm trong vành đai sinh khoáng. **B.** hầu hết các nước đều giáp biển.

**C.** có nhiệt lượng dồi dào, độ ẩm lớn. **D.** nhiệt độ trung bình cao quanh năm.

**Câu 13:** Điều kiện thuận lợi để nhiều nước ở Đông Nam Á lục địa phát triển mạnh thủy điện là có

**A.** nhiều hệ thống sông lớn, nhiều nước. **B.** nhiều sông lớn chảy ở miền núi dốc.

**C.** sông chảy qua nhiều miền địa hình. **D.** sông theo hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 14:** Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

**A.** các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa. **B.** trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.

**C.** dung nham núi lửa từ nơi cao xuống. **D.** xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

**Câu 15:** Nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia trong khu vực Đông Nam Á **không** phải là

**A.** sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên. **B.** phòng tránh, khắc phục các thiên tai.

**C.** chú trọng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. **D.** tập trung tối đa khai thác tài nguyên.

**Câu 16:** Do vị trí kề sát vành đai lửa Thái Bình Duơng, nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

**A.** bão. **B.** lũ lụt. **C.** hạn hán. **D.** động đất.

**Câu 17:** Đông Nam Á có khoáng sản đa dạng, do vị trí địa lí nằm ở

**A.** phía đông nam lục địa Á - Âu, giáp với biển.

**B.** nơi tiếp giáp giữa đất liền và đại dương lớn.

**C.** nơi nối lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.

**D.** trong vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.

**Câu 18:** Biểu hiện rõ rệt của biến đổi khí hậu ở một số đồng bằng châu thổ thấp tại Đông Nam Á là

**A.** xâm nhập mặn ngày càng sâu vào đồng bằng.

**B.** nguồn nước ngọt từ sông ngòi ngày càng ít đi.

**C.** mực nước ngầm hạ thấp, bề mặt đất bị sụt lún.

**D.** nguồn nước ngọt bị ô nhiễm ở nhiều khu dân cư.

**Câu 19:** Đông Nam Á có

**A.** số dân đông, mật độ dân số cao. **B.** mật độ dân số cao, nhập cư đông.

**C.** nhập cư ít, lao động chủ yếu già. **D.** xuất cư nhiều, tuổi thọ rất thấp.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm. **B.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng.

**C.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng. **D.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

**Câu 21:** Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

**A.** quy mô lớn, gia tăng có xu hướng giảm. **B.** tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.

**C.** dân số đông, người già trong dân số nhiều. **D.** tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

**Câu 22:** Ở nhiều nước Đông Nam Á, việc làm là một vấn đề còn gay gắt, nguyên nhân chủ yếu do

**A.** quy mô dân số lớn, kinh tế còn phát triển chưa cao.

**B.** kinh tế chậm phát triển, gia tăng tự nhiên còn cao.

**C.** gia tăng dân số cao, giáo dục đào tạo còn hạn chế.

**D.** giáo dục đào tạo còn hạn chế, người lao động nhiều.

**Câu 23:** Thuận lợi của dân số đông của Đông Nam Á là

**A.** nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.

**B.** thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.

**C.** dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.

**D.** phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.

**Câu 24:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xã hội của Đông Nam Á?

**A.** Các quốc gia đều có nhiều dân tộc. **B.** Một số dân tộc ít người phân bố rộng.

**C.** Có nhiều tôn giáo lớn cùng hoạt động. **D.** Văn hóa các nước rất khác biệt nhau.

**Câu 25:** Một trong những yếu tố gây khó khăn chủ yếu về quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở một số nước Đông Nam Á là

**A.** một số dân tộc ít người phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.

**B.** có nhiều tôn giáo khác nhau trong nước cùng tồn tại lâu đời với nhau.

**C.** có nhiều giá trị văn hóa khác nhau cùng tồn tại và phát triển cùng nhau.

**D.** phong tục, tập quán, sinh hoạt của người dân có nhiều nét tương đồng.

**BÀI 12: KINH TẾ ĐÔNG NAM Á**

**Câu 1:** Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á chuyển dịch theo hướng từ nông nghiệp là chủ yếu sang phát triển công nghiệp và dịch vụ, chủ yếu do tác động của

**A.** quá trình công nghiệp hóa. **B.** quá trình đô thị hóa.

**C.** xu hướng toàn cầu hóa. **D.** xu hướng khu vực hóa.

**Câu 2:** Cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á là do có

**A.** đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**B.** đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**C.** đất đai đa dạng, nhiều loại tốt; khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa.

**D.** đất đai có nhiều loại, diện tích rộng; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**Câu 3:** Cây ăn quả nhiệt đới được phát triển nhiều nơi ở Đông Nam Á là do có

**A.** đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**B.** đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

**C.** đất đai đa dạng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu cận xích đạo và nhiệt đới.

**D.** đất đai có nhiều loại, diện tích rộng; khí hậu cận nhiệt đới và xích đạo.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây lúa nước ở Đông Nam Á?

**A.** Là cây lương thực truyền thống và quan trọng của khu vực.

**B.** Sản lượng lúa của các nước ở khu vực không ngừng tăng.

**C.** Các nước đã cơ bản giải quyết được nhu cầu lương thực.

**D.** Thái Lan và Việt Nam đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Á?

**A.** Sản phẩm chủ yếu dùng xuất khẩu thu ngoại tệ.

**B.** Có nhiều điều kiện thuận lợi về đất đai, khí hậu.

**C.** Có nhiều loại cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.

**D.** Tập trung nhiều ở các đồng bằng phù sa đất tốt.

**Câu 22:** Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu do có

**A.** đất đỏ badan màu mỡ, rộng lớn. **B.** khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo.

**C.** lao động đông, có kinh nghiệm. **D.** thị trường ngoài nước mở rộng.

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi của Đông Nam Á?

**A.** Chăn nuôi đã trở thành ngành chính. **B.** Đông Nam Á nuôi nhiều gia cầm.

**C.** Lợn được nuôi nhiều ở đồng bằng. **D.** Trâu có nhiều ở nơi trồng lúa nước.

**Câu 7:** Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh đánh bắt hải sản, chủ yếu do có

**A.** nhu cầu thực phẩm lớn. **B.** vùng biển xung quanh.

**C.** nhiều ngư trường lớn. **D.** dân nhiều kinh nghiệm.

**Câu 8:** Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản trong thời gian gần đây, chủ yếu là do

**A.** có nhiều mặt nước ao, hồ. **B.** có nhiều bãi triều, đầm phá.

**C.** thị trường thế giới mở rộng. **D.** nhu cầu dân cư lên cao.

**Câu 9:** Điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt hải sản ở nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** vùng biển rộng, đường bờ biển dài. **B.** đường bờ biển dài; nhiều vũng, vịnh.

**C.** vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn. **D.** nhiều ngư trường lớn, nhiều quần đảo.

**Câu 10:** Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh đánh bắt xa bờ, chủ yếu nhằm

**A.** tăng sản lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ.

**B.** tăng sản lượng và bảo vệ tài nguyên ở thềm lục địa.

**C.** tăng sản lượng cá, tôm và mở rộng thêm vùng biển.

**D.** tăng sản lượng cá và bảo vệ sinh vật biển ở các đảo.

**Câu 11:** Đánh bắt hải sản xa bờ được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á hiện nay, chủ yếu nhất là do

**A.** ngư dân có nhiều kinh nghiệm, thị trường tiêu thụ mở rộng.

**B.** vùng biển có nhiều ngư trường, ngư dân nhiều kinh nghiệm.

**C.** thị trường tiêu thụ được mở rộng; tàu thuyền, ngư cụ nhiều.

**D.** tàu thuyền, ngư cụ hiện đại hơn; thị trường tiêu thụ mở rộng.

**Câu 12:** Vấn đề cấp thiết nhất hiện nay trong đánh bắt hải sản ở các nước Đông Nam Á là

**A.** khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi sinh vật.

**B.** tăng cường đánh bắt nhiều loài sinh vật biển.

**C.** gắn đánh bắt với công nghiệp chế biến hải sản.

**D.** mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đánh bắt.

**Câu 13:** Hướng phát triển của công nghiệp Đông Nam Á **không** phải là

**A.** tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.

**B.** hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ.

**C.** tăng cường đào tạo kĩ thuật cho người lao động.

**D.** tập trung sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước.

**Câu 14:** Một số ngành công nghiệp đã trở thành thế mạnh của các nước Đông Nam Á là

**A.** sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.

**B.** sản xuất và lắp ráp ô tô, máy kéo, thiết bị điện tử.

**C.** sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử, đóng tàu.

**D.** sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, chế biến thực phẩm.

**Câu 15:** Một số sản phẩm công nghiệp của các nước Đông Nam Á đã có được sức cạnh tranh trên thị trường thế giới chủ yếu là nhờ vào việc

**A.** liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.

**B.** tăng cường công nhân có trình độ kĩ thuật cao.

**C.** đầu tư vốn để đổi mới nhiều máy móc, thiết bị.

**D.** liên kết và hợp tác sản xuất giữa các nước.

**Câu 16:** Ở nhiều vùng biển phía nam của các nước Đông Nam Á lục địa có hoạt động du lịch diễn ra được quanh năm là nhờ

**A.** nền nhiệt độ cao quanh năm. **B.** gió mùa hoạt động trong năm.

**C.** lượng mưa lớn vào mùa hạ. **D.** địa hình bờ biển rất đa dạng.

**Câu 17:** Mục đích của phát triển dịch vụ ở các nước Đông Nam Á **không** phải là

**A.** phục vụ sản xuất. **B.** phục vụ đời sống. **C.** hấp dẫn đầu tư. **D.** thu hút nhập cư.

**Câu 18:** Hầu hết các nước Đông Nam Á đều quan tâm đến phát triển giao thông vận tải đường biển, do

**A.** có vị trí giáp biển. **B.** phát triên nội thưomg.

**C.** vận tải đường bộ yếu. **D.** có nhiều vũng, vịnh.

**Câu 19:** Ngành dịch vụ mới ra đời trong thời gian gần đây ở nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** bưu chính. **B.** viễn thông. **C.** ngân hàng. **D.** tài chính.

**Câu 20:** Điều kiện thuận lợi để nhiều nước Đông Nam Á phát triển mạnh công nghiệp năng lượng là có

**A.** than đá, dầu khí, năng lượng mặt trời. **B.** dầu khí, bôxit, năng lượng mặt trời.

**C.** bôxít, quặng sắt, năng lượng mặt trời. **D.** năng lượng mặt trời, than đá, bôxit.

**BÀI 13: HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)**

**Câu 1:** Các nước đầu tiên tham gia thành lập ASEAN là

**A.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

**B.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Lào.

**C.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

**D.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

**Câu 2:** Nước gia nhập ASEAN vào năm 1995 là

**A.** Bru-nây. **B.** Việt Nam. **C.** Mi-an-ma. **D.** Lào.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN?

**A.** Thành lập năm 1967 tại Băng Cốc. **B.** Số lượng thành viên ngày càng tăng.

**C.** Hiện nay, Đông Timo chưa gia nhập. **D.** Xin-ga-po là nước lãnh đạo ASEAN.

**Câu 4:** Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

**A.** thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, tiến bộ xã hội của các nước.

**B.** xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, có kinh tế, văn hóa, xã hội phát triên.

**C.** đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và cùng phát triên.

**D.** giải quyết nhũng quan hệ giữa ASEAN với các nước, tổ chức quốc tế khác.

**Câu 5:** Mục tiêu của ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định **không** phải vì

**A.** mỗi nước trong khu vực hoàn toàn lúc nào cũng có sự ổn định.

**B.** trong mỗi nước không còn sự tranh chấp phức tạp về lãnh thổ.

**C.** tạo cớ cho các cường quốc can thiệp vào một nước bằng vũ lực.

**D.** tạo nên một cường quốc chung thống nhất cho toàn bộ khu vực.

**Câu 6:** Cơ chế hợp tác của ASEAN **không** phải là thông qua

**A.** diễn đàn. **B.** hiệp ước. **C.** hội nghị. **D.** liên kết vùng.

**Câu 7:** Việc xây dựng “Khu vực thương mại tự do ASEAN”(AFTA)là việc làm thuộc

**A.** mục tiêu hợp tác. **B.** cơ chế hợp tác. **C.** thành tựu hợp tác. **D.** lí do hợp tác.

**Câu 8:** Thành tụư của ASEAN **không** phải là

**A.** tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực khá cao.

**B.** tổng thu nhập trong nước của toàn khối đạt trên trên nghìn tỉ USD.

**C.** cán cân xuất nhập khẩu của các nước thành viên toàn khối dương.

**D.** tất cả các nước thuộc khu vực Đông Nam Á đều gia nhập ASEAN.

**Câu 9:** Thành tựu của ASEAN có ý nghĩa hết sức quan trọng về mặt chính trị là

**A.** tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.

**B.** nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.

**C.** hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.

**D.** đời sống nhân dân được cải thiện, chất lượng cuộc sống nâng cao.

**Câu 10:** Biểu hiện nào sau đây là chung nhất chứng tỏ kinh tế của các nước ASEAN còn chênh lệch nhau nhiều?

**A.** GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.

**B.** Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.

**C.** Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.

**D.** Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia còn chưa hợp lí.

**Câu 11:** Vấn đề nào sau đây không còn là thách thức đối với các nước ASEAN hiện nay?

**A.** Thất nghiệp, thiếu việc làm. **B.** Thiếu đói nặng lương thực.

**C.** Khai thác tài nguyên tự nhiên. **D.** Chênh lệch lớn giàu nghèo.

**Câu 12:** Nhân tố nào sau đây đã ảnh hưởng xấu tới môi trường đầu tư của một số nước Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Ô nhiễm môi trường. **B.** Mất ổn định xã hội.

**C.** Phân hóa giàu nghèo. **D.** Lao động thất nghiệp.

**Câu 13:** Tác động tiêu cực nào sau đây ở mỗi quốc gia **không** phải chủ yếu do tình trạng đói nghèo ở một bộ phận dân cư gây ra?

**A.** Thiếu vốn đầu tư phát triển sản xuất. **B.** Dinh dưỡng kém làm yếu sức lao động.

**C.** Nảy sinh các vấn đề xã hội phức tạp. **D.** Lao động di cư ra nước ngoài nhiều.

**Câu 14:** Ảnh hưởng tiêu cực nào sau đây **không** phải chủ yếu do quá trình đô thị hóa phát triển ở các nước Đông Nam Á gây ra?

**A.** Ô nhiễm môi trường đô thị. **B.** Các tệ nạn xã hội nhiều thêm.

**C.** Sử dụng tự nhiên không hợp lí. **D.** Đất nông nghiệp bị thu hẹp.

**Câu 15:** Vai trò ngày càng tích cực của Việt Nam trong ASEAN không thể hiện chủ yếu ở việc

**A.** tích cực tham gia vào các hoạt động trong tất cả các lĩnh vực.

**B.** đóng góp nhiều sáng kiến để củng cố, nâng cao vị thế ASEAN.

**C.** tỉ lệ giao dịch thương mại quốc tế với với ASEAN tương đối lớn.

**D.** thu hút nhiều khách du lịch và vốn đầu tư từ các nước ASEAN.

**Câu 16:** Khi tham gia vào ASEAN, Việt Nam **không** phải vượt qua sự chênh lệch về

**A.** trình độ phát triển kinh tế. **B.** trình độ của công nghệ.

**C.** bản sắc văn hóa dân tộc. **D.** thể chế chính trị, kinh tế.

**Câu 17:** “Ủy hội sông Mê Công” là một hợp tác giữa các nước ASEAN về lĩnh vực

**A.** tài nguyên. **B.** xã hội. **C.** văn hóa. **D.** chính trị.

**Câu 18:** Các nước tham gia vào Ủy hội sông Mê Công là

**A.** Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Việt Nam.

**B.** Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Trung Quốc.

**C.** Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam, Mi-an-ma.

**D.** Cam-pu-chia, Việt Nam, Trung Quốc, Mi-an-ma.

**Câu 19:** Thách thức to lớn đối với ASEAN hiện nay chưa phải là

**A.** trình độ phát triển còn chênh lệch. **B.** vẫn còn tình trạng đói nghèo.

**C.** còn một quốc gia chưa tham gia. **D.** còn nhiều vấn đề xã hội tiêu cực.

**Câu 20:** Vấn đề nào sau đây đòi hỏi các quốc gia ở Đông Nam Á hiện nay phải có sự hợp tác chặt chẽ với nhau?

**A.** Biến đổi khí hậu. **B.** Xuất khẩu nông sản.

**C.** Ngăn chặn phá rừng. **D.** Bùng nổ dân số.

1. **PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN ÔN CUỐI KÌ 1 ĐỊA 11.**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA THẾ GIỚI VÀ ĐÔNG NAM Á QUA CÁC NĂM.

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2010 | 2020 |
| **Thế giới** | **4.0** | **4.5** | **-3.3** |
| **Đông Nam Á** | **6.6** | **7.8** | **-1.1** |

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới và ĐNA qua các năm. Nhận xét.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

BẢNG 1.2. KHAI THÁC DẦU MỎ CỦA MỘT SỐ NƯỚC MỸ LATINH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quốc gia | Sản lượng (nghìn thùng/ngày) | Xếp hạng trên thế giới |
| Bra-xin | 2800 | 10 |
| Mê-hi-cô | 2100 | 12 |
| Cô-lôm-bi-a | 886 | 20 |
| Vê-nê-xu-ê-la | 877 | 21 |
| Ê-cu-a-đo | 531 | 28 |
| Ac-hen-ti-na | 531 | 28 |

*(Nguồn: WB, 2022)*

Vẽ biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ của một số nước

Mỹ Latinh năm 2020. Nhận xét

**Câu 3: Cho bảng số liệu:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU, GIAI ĐOẠN 2000-2021  *(Đơn vị: tỉ USD)* | | | | | |
| Năm | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 | 2021 |
| Xuất khẩu | 2591 | 4458 | 5865 | 6382 | 8670,6 |
| Nhập khẩu | 2535 | 4271 | 5633 | 5789 | 8016,6 |
| *(Nguồn: WB, 2022)*  Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của EU giai đoạn 2000-2021. Nhận xét. | | | | | |

**Câu 4:** Tại sao mục tiêu của Asean lại nhấn mạnh đến sự hoà bình và ổn định trong khu vực?

**Câu 5:** Hãy trình bày những cơ hội và thách thức của Việt Nam khi tham gia cộng đồng kinh tế Asean (AEC)

**Câu 6:** Cho biết đặc điểm xã hội của khu vực Đông Nam A? Phân tích những ảnh hưởng của đặc điểm này đến sự hợp tác, phát triển KTXH trong khu vực?

**Câu 7:** Chứng minh Việt Nam có sự hợp tác đa dạng trong Asean?

**Câu 8:** Chứng minh rằng Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á có sự tương đồng về văn hoá?